

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
1	AAA	An Phát Bioplastics	50
2	ABT	Thủy sản Bến Tre	50
3	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	50
4	ACC	Đầu tư và XD Bình Dương ACC	50
5	ACG	Gỗ An Cường	50
6	ACL	Thủy sản CL An Giang	50
7	ADS	Dệt sợi DAMSAN	50
8	AGG	Bất động sản An Gia	50
9	AGR	CTCP chứng khoán Agribank	50
10	ANV	Thủy sản Nam Việt	50
11	ASM	Tập đoàn Sao Mai	50
12	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	50
13	BAF	Nông nghiệp BAF Việt Nam	50
14	BCM	Becamex IDC	50
15	BFC	Phân bón Bình Điền	50
16	BIC	Bảo hiểm BIDV	50
17	BMC	Khoáng sản Bình Định	50
18	BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	50
19	BMP	Nhựa Bình Minh	50
20	BSR	Lọc Hóa dầu Bình Sơn	50
21	BTP	Nhiệt điện Bà Rịa	50
22	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	50
23	BVS	Chứng khoán Bảo Việt	50
24	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	50
25	CAP	Lâm nông sản Yên Bái	50
26	CCL	ĐT & PT Đô thị Dầu khí Cửu Long	50
27	CDC	Chương Dương Corp	50
28	CEO	Tập đoàn CEO	50
29	CII	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	50
30	CLC	Thuốc lá Cát Lợi	50
31	CMG	Tập đoàn Công nghệ CMC	50
32	CNG	CNG Việt Nam	50
33	CRC	Create Capital Việt Nam	50
34	CRE	Bất động sản Thế Kỷ	50
35	CSC	Tập đoàn COTANA	50
36	CSM	Cao su Miền Nam	50
37	CSV	Hóa chất Cơ bản miền Nam	50
38	CTD	Xây dựng Coteccons	50
39	CTF	City Auto	50
40	CTG	VietinBank	50
41	CTI	Cường Thuận IDICO	50
42	CTR	Công trình Viettel	50
43	CTS	Chứng khoán Vietinbank	50
44	CVT	CMC JSC	50
45	DBC	Tập đoàn DABACO	50
46	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	50
47	DC4	Dicera Holdings	50
48	DCM	Đạm Cà Mau	50
49	DGC	Hóa chất Đức Giang	50
50	DGW	Thế Giới Số	50
51	DHA	Hóa An	50
52	DHC	Đồng Hải Bến Tre	50
53	DHG	Dược Hậu Giang	50
54	DHT	Dược phẩm Hà Tây	50
55	DIG	DIC Corp	50
56	DL1	Tập đoàn Alpha 7	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
57	DNP	DNP Holding	50
58	DPG	Tập đoàn Đạt Phương	50
59	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	50
60	DPR	Cao su Đồng Phú	50
61	DRC	Cao su Đà Nẵng	50
62	DSC	Chứng khoán DSC	50
63	DSN	Công viên nước Đầm Sen	50
64	DTD	Đầu tư Phát triển Thành Đạt	50
65	DTK	Vinacomin Power	50
66	DVM	Dược liệu Việt Nam	50
67	DXG	Địa ốc Đất Xanh	50
68	DXP	Cảng Đoạn Xá	50
69	E1VFN30	Quỹ ETF DCVFMVN30	50
70	EIB	Eximbank	50
71	ELC	ELCOM	50
72	EVF	Tài chính Điện lực	50
73	FCN	FECON CORP	50
74	FMC	Thực phẩm Sao Ta	50
75	FPT	FPT Corp	50
76	FRT	Bán lẻ FPT	50
77	FTS	Chứng khoán FPT	50
78	FUESSVFL	Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	50
79	GAS	Ngân hàng TMCP Á Châu	50
80	GDT	Gỗ Đức Thành	50
81	GEE	Thiết bị điện GELEX	50
82	GEG	Điện Gia Lai	50
83	GEX	Tập đoàn Gelex	50
84	GMD	Gemadept	50
85	GSP	Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	50
86	GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	50
87	HAH	Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50
88	HAX	Ô tô Hàng Xanh	50
89	HCD	SX và Thương mại HCD	50
90	HCM	Chứng khoán HSC	50
91	HDB	HDBank	50
92	HDC	Phát triển Nhà BR-VT	50
93	HDG	Tập đoàn Hà Đô	50
94	HHP	HHP Global	50
95	HHS	Đầu tư DV Hoàng Huy	50
96	HHV	Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50
97	HPG	Hòa Phát	50
98	HSG	Tập đoàn Hoa Sen	50
99	HT1	VICEM Hà Tiên	50
100	HTI	PT Hạ tầng IDICO	50
101	HTN	Hưng Thịnh Incons	50
102	HUB	Xây lắp Huế	50
103	HUT	Tasco- CTCP	50
104	HVH	Đầu tư và Công nghệ HVC	50
105	HVT	Hóa chất Việt trì	50
106	IDC	IDICO	50
107	IDI	Đầu tư và PT Đa Quốc Gia	50
108	IDV	PT Hạ tầng Vĩnh Phúc	50
109	IJC	Becamex IJC	50
110	IMP	IMEXPHARM	50
111	INN	Bao bì và In Nông Nghiệp	50
112	ITC	Đầu tư kinh doanh Nhà	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
113	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	50
114	KDC	Tập đoàn KIDO	50
115	KDH	Nhà Khang Điền	50
116	KHG	Tập đoàn Khai Hoàn Land	50
117	KOS	Công ty KOSY	50
118	KSB	Khoáng sản Bình Dương	50
119	KSV	Khoáng sản TKV	50
120	L14	Licogi 14	50
121	LAF	Chế biến Hàng XK Long An	50
122	LAS	Hóa chất Lâm Thao	50
123	LBM	Khoáng sản Lâm Đồng	50
124	LCG	LIZEN	50
125	LHC	XD Thủy lợi Lâm Đồng	50
126	LHG	KCN Long Hậu	50
127	LIX	Bột Giặt Lix	50
128	LPB	LPBank	50
129	LSS	Mía đường Lam Sơn	50
130	MBB	MBBank	50
131	MBS	Chứng khoán MB	50
132	MHC	CTCP MHC	50
133	MIG	Bảo hiểm Quân đội	50
134	MSB	MSB Bank	50
135	MSH	May Sông Hồng	50
136	MSN	Tập đoàn Masan	50
137	MWG	Thế giới di động	50
138	NAB	Ngân hàng Nam Á	50
139	NAF	Nafoods Group	50
140	NAG	Tập đoàn Nagakawa	50
141	NBB	577 CORP	50
142	NBC	Than Núi Béo	50
143	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	50
144	NET	Bột giặt Net	50
145	NHA	PT Nhà và Đô thị Nam HN	50
146	NHH	Nhựa Hà Nội	50
147	NKG	Thép Nam Kim	50
148	NLG	BDS Nam Long	50
149	NNC	Đá Núi Nhỏ	50
150	NSC	Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	50
151	NT2	Điện lực Nhơn Trạch 2	50
152	NTL	Đô thị Từ Liêm	50
153	NTP	Nhựa Tiền Phong	50
154	OCB	Ngân hàng Phương Đông	50
155	OPC	Dược phẩm OPC	50
156	PAC	Pin Ấc quy Miền Nam	50
157	PAN	Tập đoàn PAN	50
158	PC1	Tập đoàn PC1	50
159	PDR	BDS Phát Đạt	50
160	PET	Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	50
161	PGC	Gas Petrolimex	50
162	PGI	Bảo hiểm PJICO	50
163	PHR	Cao su Phước Hòa	50
164	PLC	Hóa dầu Petrolimex	50
165	PLX	Petrolimex	50
166	PNJ	Vàng Phú Nhuận	50
167	POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	50
168	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
169	PSD	Phân phối Tổng hợp Dầu khí	50
170	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	50
171	PVB	Bọc ống Dầu khí Việt Nam	50
172	PVC	Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí	50
173	PVD	Khoan Dầu khí PVDrilling	50
174	PVG	Kinh doanh LPG Việt Nam	50
175	PVI	Bảo hiểm PVI	50
176	PVP	Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	50
177	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	50
178	PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	50
179	REE	Cơ Điện Lạnh REE	50
180	S99	Sông Đà 9.09 (SCI)	50
181	SAB	SABECO	50
182	SAM	SAM Holdings	50
183	SBA	Sông Ba JSC	50
184	SBT	Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa	50
185	SCR	TTC Land	50
186	SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	50
187	SEB	Điện miền Trung	50
188	SGN	Phục vụ mặt đất Sài Gòn	50
189	SGT	Sài Gòn Telecom	50
190	SHB	SHB	50
191	SHE	PT Năng Lượng Sơn Hà	50
192	SHI	Quốc tế Sơn Hà	50
193	SHS	Chứng khoán SG - HN	50
194	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	50
195	SJD	Thủy điện Cần Đơn	50
196	SJE	Sông Đà 11	50
197	SJS	SJ Group	50
198	SKG	Tàu Cao tốc Superdong	50
199	SLS	Mía đường Sơn La	50
200	SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	50
201	SSB	SeABank	50
202	SSI	Chứng khoán SSI	50
203	STB	Sacombank	50
204	SZB	Sonadezi Long Bình	50
205	SZC	Sonadezi Châu Đức	50
206	SZL	Sonadezi Long Thành	50
207	TCB	Techcombank	50
208	TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	50
209	TCL	Tan Cang Logistics	50
210	TCM	Dệt may Thành Công	50
211	TCO	TCO Holdings	50
212	TCT	Cáp treo Tây Ninh	50
213	TDC	Becamex TDC	50
214	TDM	Nước Thủ Dầu Một	50
215	TDP	Công ty Thuận Đức	50
216	THG	XD Tiền Giang	50
217	TIP	PT KCN Tín Nghĩa	50
218	TLĐ	ĐT XD và PT Đô thị Thăng Long	50
219	TLG	Tập đoàn Thiên Long	50
220	TMB	Than Miền Bắc - Vinacomin	50
221	TMS	Transimex	50
222	TNC	Cao su Thống Nhất	50
223	TNG	Đầu tư và Thương mại TNG	50
224	TPB	TPBank	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
225	TRA	Traphaco	50
226	TRC	Cao su Tây Ninh	50
227	TTA	XD và PT Trường Thành	50
228	TV2	Tư vấn XD Điện 2	50
229	TVB	Chứng khoán Trí Việt	50
230	TVD	Than Vàng Danh	50
231	TVS	Chứng khoán Thiên Việt	50
232	TVT	May Việt Thắng	50
233	VC7	BGI Group	50
234	VCB	Vietcombank	50
235	VCG	VINACONEX	50
236	VCI	Chứng khoán Vietcap	50
237	VCS	VICOSTONE	50
238	VDP	Dược phẩm VIDIPHA	50
239	VDS	Chứng khoán Rồng Việt	50
240	VFS	Chứng khoán Nhất Việt	50
241	VGC	Tổng Công ty Viglacera	50
242	VGS	Ông thép Việt Đức	50
243	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	50
244	VHM	Vinhomes	50
245	VIB	VIBBank	50
246	VIC	VinGroup	50
247	VIP	Vận tải Xăng dầu VIPCO	50
248	VIX	Chứng khoán VIX	50
249	VJC	Vietjet Air	50
250	VND	Chứng khoán VNDIRECT	50
251	VNM	VINAMILK	50
252	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	50
253	VPB	VPBank	50
254	VPI	Đầu tư Văn Phú - Invest	50
255	VRE	Vincom Retail	50
256	VSC	VICONSHIP	50
257	VTP	Bưu chính Viettel	50
258	SBG	Tập Đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao Siba	50